

THÔNG BÁO

**Về danh sách mở và hủy các lớp học phần học lại đủ số lượng và
lớp học lại theo yêu cầu học kỳ II năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Thông báo số 142/TB-HIU ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký học lại học kỳ II năm học 2024 – 2025;

Nhà trường thông báo về danh sách mở và hủy các lớp học phần học lại đủ số lượng và lớp học lại theo yêu cầu, cụ thể như sau:

1. Danh sách các lớp học lại và học lại theo yêu cầu mở lớp:

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
1	242210004403	00044	Giáo dục thể chất 1	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
2	242210004504	00045	Giáo dục thể chất 2	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
3	242210306602	03066	Giáo dục thể chất 3	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
4	242210306603	03066	Giáo dục thể chất 3	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
5	242210528102	05281	Physical training 1	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
6	242210528202	05282	Physical training 2	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
7	242210528302	05283	Physical training 3	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
8	24221GD200201	GD2002	Adobe Illustrator	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
9	242210335701	03357	Công nghệ J2EE	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
10	242210008301	00083	Cơ sở dữ liệu	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
11	24221GE102405	GE1024	Đại số tuyến tính	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
12	242210393101	03931	Đồ án thiết kế cảnh quan	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
13	242210334301	03343	Giới thiệu ngành	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
14	242210334401	03344	Kỹ năng nghề nghiệp	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
15	242210334801	03348	Lập trình hướng đối tượng	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
16	24221IT201101	IT2011	Mạng máy tính	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
17	242210335401	03354	Ngôn ngữ lập trình Java 2	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
18	24221GD201702	GD2017	Nguyên lý thiết kế đồ họa	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
19	242210334901	03349	Phát triển ứng dụng web	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
20	242210336901	03369	Quản trị hệ thống Mạng	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
21	242210485001	04850	San nền tiêu thủy, chuẩn bị mặt bằng xây dựng	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
22	24221GE102201	GE1022	Toán C	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
23	242210588801	05888	Thực tập doanh nghiệp	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
24	242210484901	04849	Trắc địa bản đồ	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
25	242210185501	01855	Anh văn chuyên ngành	Khoa Dược	
26	242210177801	01778	Dược động học	Khoa Dược	
27	242210194301	01943	Dược lâm sàng 2 -LT	Khoa Dược	
28	242210181001	01810	Dược lâm sàng 2-TH	Khoa Dược	
29	242210198601	01986	Dược liệu 1 - LT	Khoa Dược	
30	242210198001	01980	Dược lý 1 - LT	Khoa Dược	
31	242210332101	03321	Dược lý 3	Khoa Dược	
32	242210179001	01790	Đảm bảo chất lượng thuốc	Khoa Dược	
33	242210180301	01803	Đăng ký thuốc - thông tin thuốc và cảnh giác dược	Khoa Dược	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
34	242210331603	03316	Độc chất học	Khoa Dược	
35	24221DS202301	DS2023	Hóa dược 1	Khoa Dược	
36	242210180801	01808	Hóa dược 1 -TH	Khoa Dược	
37	242210283001	02830	Hóa đại cương – vô cơ	Khoa Dược	
38	242210231801	02318	Hóa hữu cơ 1 - TH	Khoa Dược	
39	242210231901	02319	Hóa hữu cơ 2 – TH	Khoa Dược	
40	242210180901	01809	Hóa lý dược - LT	Khoa Dược	
41	242210546701	05467	Kỹ năng giao tiếp	Khoa Dược	
42	242210179901	01799	Môi trường và sức khỏe	Khoa Dược	
43	242210481701	04817	Nhập môn ngành Dược	Khoa Dược	
44	242210182401	01824	Phản ứng có hại và tương tác thuốc trong điều trị	Khoa Dược	
45	242210331801	03318	Quản lý và kinh tế dược	Khoa Dược	
46	242210137901	01379	Quản trị doanh nghiệp	Khoa Dược	
47	24221DS201901	DS2019	Thực hành dược khoa 2	Khoa Dược	
48	24221DS201106	DS2011	Thực vật dược	Khoa Dược	
49	242210180701	01807	Thực vật dược -TH	Khoa Dược	
50	242210185401	01854	Xét nghiệm lâm sàng CN 2 - Môn học thay thế khóa luận	Khoa Dược	
51	24221NS301301	NS3013	Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi	Khoa Điều Dưỡng - Hộ Sinh	
52	24221FB301101	FB3011	Anh văn chuyên ngành I	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
53	24221FB301202	FB3012	Anh văn chuyên ngành II	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
54	242210249901	02499	Anh văn chuyên ngành nhà hàng & cung ứng dịch vụ ăn uống	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
55	24221FB302201	FB3022	Đầu tư tài chính	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
56	242210272201	02722	Giao tiếp trong kinh doanh	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
57	24221DM301901	DM3019	Hành vi tổ chức	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
58	24221FB300901	FB3009	Kế toán Tài chính	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
59	24221BA303203	BA3032	Kinh tế lượng	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
60	24221BA200409	BA2004	Kinh tế vi mô	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
61	24221HM303301	HM3033	Kỹ năng đàm phán	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
62	24221HM303201	HM3032	Kỹ năng quản lý thời gian	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
63	242210345901	03459	Lập và thẩm định đầu tư – Môn học thay thế khóa luận 2	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
64	24221FB200701	FB2007	Marketing căn bản	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
65	24221HM200402	HM2004	Marketing du lịch	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
66	24221TM300402	TM3004	Nghiệp vụ lễ hành	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
67	24221AC301801	AC3018	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
68	24221DM100201	DM1002	Nhập môn ngành Digital marketing	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
69	24221BA100201	BA1002	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
70	24221FB301803	FB3018	Phân tích Báo cáo tài chính	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
71	24221FB200601	FB2006	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
72	24221TM200401	TM2004	Phương pháp nghiên cứu trong du lịch	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
73	242210366201	03662	Quản lý bộ phận F&B	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
74	24221DM301301	DM3013	Quản trị chiến lược	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
75	24221BA302705	BA3027	Quản trị doanh nghiệp	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
76	242210077801	00778	Quản trị Marketing	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
77	24221DM301106	DM3011	Quản trị nguồn nhân lực	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
78	24221FB300701	FB3007	Tài chính doanh nghiệp 2	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
79	24221TM301902	TM3019	Tuyển điểm du lịch Việt Nam 1	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
80	242210354401	03544	Thanh toán quốc tế	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
81	242210512701	05127	Truyền thông Marketing tích hợp	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
82	242210512601	05126	Truyền thông xã hội và Marketing di động	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
83	24221RH301001	RH3010	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 1	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
84	242210507027	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Khoa Học Xã Hội	
85	242210506930	05069	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Khoa Khoa Học Xã Hội	
86	242210507123	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa Khoa Học Xã Hội	
87	242210507124	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khoa Khoa Học Xã Hội	
88	242210200401	02004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Khoa Khoa Học Xã Hội	
89	242210000724	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa Học Xã Hội	
90	242210539101	05391	Thi hành án dân sự	Khoa Khoa Học Xã Hội	
91	24221GE101704	GE1017	Anh văn I	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
92	242210418201	04182	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
93	242210427801	04278	Độc hiểu 1	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
94	24221CS201201	CS2012	Độc hiểu tiếng Trung Quốc trung cấp 1	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
95	24221JS200601	JS2006	Độc Viết tiếng Nhật sơ cấp 2	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
96	24221JS201201	JS2012	Độc Viết tiếng Nhật trung cấp 1	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
97	242210276401	02764	Intensive English - A1a	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
98	242210276502	02765	Intensive English - A1b	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
99	242210276704	02767	Intensive English - A2b	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
100	242210277101	02771	Intensive English - B1+	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
101	242210277004	02770	Intensive English - B1c	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
102	24221EL201301	EL2013	Ngữ pháp 1	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
103	24221JS200501	JS2005	Ngữ pháp tiếng Nhật sơ cấp 2	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
104	242210565601	05656	Nhập môn văn chương	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
105	242210426401	04264	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
106	242210426001	04260	Tôn giáo và tư tưởng Nhật Bản	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
107	242210503901	05039	Ca lâm sàng tích hợp cơ sở 1	Khoa Răng Hàm Mặt	
108	24221OS309801	OS3098	Chữa răng	Khoa Răng Hàm Mặt	
109	24221OS315401	OS3154	Nha khoa cấy ghép	Khoa Răng Hàm Mặt	
110	242210549101	05491	Thực hành sinh học miệng	Khoa Răng Hàm Mặt	
111	24221ML301201	ML3012	Huyết học tế bào	Khoa Xét Nghiệm Y Học	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
112	24221ML200803	ML2008	Giải phẫu	Khoa Y	
113	24221NS201001	NS2010	Giải phẫu	Khoa Y	
114	24221RH201005	RH2010	Giải phẫu	Khoa Y	
115	242210069301	00693	Giải phẫu học	Khoa Y	
116	24221MD226310	MD2263	Ký sinh trùng	Khoa Y	
117	24221OS500301	OS5003	Pathophysiology - Immunology	Khoa Y	
118	24221NS200503	NS2005	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	Khoa Y	
119	242210197801	01978	Sinh học tế bào - phân tử - LT	Khoa Y	
120	242210178501	01785	Sinh lý - LT	Khoa Y	
121	242210067701	00677	Thực tập giải phẫu	Khoa Y	
122	242210179501	01795	Vì sinh - TH	Khoa Y	
123	242210178701	01787	Sinh lý - TH	Khoa Y	
124	242210003501	00035	Vật lý và Lý sinh	Khoa Y	

2. Danh sách các lớp học phần học lại theo yêu cầu hủy lớp:

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
1	24221GE102027	GE1020	Giáo dục thể chất	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
2	242210004402	00044	Giáo dục thể chất 1	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
3	242210004503	00045	Giáo dục thể chất 2	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	
4	242210528201	05282	Physical training 2	Bộ Môn Giáo Dục Thể Chất	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
5	24221IT200901	IT2009	Cơ sở dữ liệu	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
6	24221CE300101	CE3001	Đồ án lập dự toán và định giá công trình	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
7	242210538301	05383	Động lực học kết cấu	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
8	24221GE102301	GE1023	Giải tích	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
9	24221CE302501	CE3025	Kết cấu bê tông dự ứng lực	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
10	24221CE300901	CE3009	Kết cấu công trình thép	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
11	24221LO302201	LO3022	Kỹ thuật ra quyết định đa mục tiêu	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
12	242210480801	04808	Tư duy biện luận	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
13	242210466001	04660	Thiết kế ấn phẩm văn phòng	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
14	242210466101	04661	Thiết kế tem nhãn sản phẩm	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
15	24221IT301501	IT3015	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	Khoa Công Nghệ - Kỹ Thuật	
16	24221DS202101	DS2021	Dược liệu 1	Khoa Dược	
17	242210193901	01939	Hóa hữu cơ 1	Khoa Dược	
18	242210182601	01826	Hóa phân tích PP thể tích - LT	Khoa Dược	
19	24221DM300804	DM3008	Content Marketing	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
20	24221DM301202	DM3012	Hành vi người tiêu dùng	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
21	24221BA200507	BA2005	Kinh tế vĩ mô	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
22	24221HM303101	HM3031	Kỹ năng tư duy phản biện	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
23	24221DM301701	DM3017	Marketing Dịch vụ	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
24	24221DM303109	DM3031	Marketing Dịch vụ	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
25	24221AC201102	AC2011	Nguyên lý kế toán	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
26	24221BA200808	BA2008	Nguyên lý kế toán	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
27	24221FB201002	FB2010	Nguyên lý kế toán	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
28	24221BA302905	BA3029	Phân tích hoạt động kinh doanh	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
29	24221TM300301	TM3003	Quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
30	24221BA301902	BA3019	Quản trị Bán hàng	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
31	24221BA301101	BA3011	Quản trị Chất lượng	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
32	24221BA301801	BA3018	Quản trị Hành chính - Văn phòng	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
33	24221BA200310	BA2003	Quản trị học	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
34	24221BA301502	BA3015	Quản trị Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
35	24221FB301701	FB3017	Quản trị ngân hàng thương mại	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
36	24221BA303401	BA3034	Quản trị rủi ro	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
37	24221DM302401	DM3024	Quản trị rủi ro	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
38	24221BA300901	BA3009	Quản trị Tài chính	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
39	24221FB300602	FB3006	Tài chính doanh nghiệp 1	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
40	24221FB300801	FB3008	Thị trường chứng khoán	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
41	24221FB301901	FB3019	Thiết lập & Đầu tư dự án	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
42	24221BA100406	BA1004	Thống kê trong kinh doanh	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
43	24221DM200701	DM2007	Thống kê trong kinh doanh	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	
44	24221BA302301	BA3023	Thuế	Khoa Kinh Tế - Quản Trị	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
45	24221RH301101	RH3011	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 2	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
46	24221RH300201	RH3002	Giải phẫu chức năng	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
47	24221RH300601	RH3006	Lượng giá chức năng	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
48	24221RH301501	RH3015	Tiếng Anh chuyên ngành I	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
49	24221RH300803	RH3008	Vận động trị liệu	Khoa Kỹ Thuật Phục Hồi Chức Năng	
50	242210507028	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Khoa Học Xã Hội	
51	242210000723	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khoa Khoa Học Xã Hội	
52	24221GE101703	GE1017	Anh văn I	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
53	24221GE101877	GE1018	Anh văn II	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
54	242210276902	02769	Intensive English - B1b	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
55	24221EL200403	EL2004	Nghe - Nói 4	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
56	242210244901	02449	Tiếng Anh thương mại 3	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
57	24221EL300901	EL3009	Văn hóa Anh Mỹ	Khoa Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Quốc Tế	
58	24221OS310401	OS3104	Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt	Khoa Răng Hàm Mặt	
59	242210587301	05873	Giải phẫu răng 1	Khoa Răng Hàm Mặt	
60	24221OS301101	OS3011	Lâm sàng cắn khớp	Khoa Răng Hàm Mặt	
61	24221OS328301	OS3283	Lâm sàng nha khoa phục hồi III	Khoa Răng Hàm Mặt	
62	242210483101	04831	Medical English	Khoa Răng Hàm Mặt	
63	242210554901	05549	Nội nha	Khoa Răng Hàm Mặt	
64	242210555201	05552	Tiền lâm sàng Chữa răng - Nội nha	Khoa Răng Hàm Mặt	

STT	Mã lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	Khoa chủ quản	Ghi chú
65	24221ML302101	ML3021	Hóa sinh lâm sàng 1	Khoa Xét Nghiệm Y Học	
66	24221ML301101	ML3011	Thực hành Ký sinh trùng đường ruột	Khoa Xét Nghiệm Y Học	
67	24221ML201101	ML2011	Giải phẫu bệnh	Khoa Y	
68	242210547901	05479	Giải phẫu hệ cơ quan	Khoa Y	
69	24221OS203001	OS2030	Nhi khoa	Khoa Y	
70	242210380501	03805	Xác suất - Thống kê y học	Khoa Y	
71	242210382101	03821	Y học cổ truyền	Khoa Y	

3. Triển khai thực hiện thông báo

Văn phòng các Khoa/Viện/Bộ môn phổ biến thông báo trực tiếp đến từng sinh viên để thực hiện, các cố vấn học tập giải đáp thắc mắc, hướng dẫn sinh viên thực hiện trong thời gian quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Khoa/Viện/Bộ môn;
- TTTN-VLSV, P.KT-ĐBCL;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(ĐÃ KÝ)

PGS.TS Nguyễn Hữu Huy Nhựt